

GIÁO DỤC NẾP SỐNG, HÀNH VI VĂN MINH ĐÔ THỊ CHO HỌC SINH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

○ ThS. LÊ THỊ LINH TRANG*

Việc tìm hiểu, giáo dục nếp sống, thói quen, hành vi (HV) văn minh đô thị (VMĐT) cho học sinh (HS) có tầm quan trọng đặc biệt vì các em là những chủ nhân tương lai của đất nước, sẽ tiếp nối quá trình xây dựng một xã hội tươi đẹp, phát triển.

1. Sự thể hiện các HV VMĐT nói chung của HS

Đầu năm 2012, khảo sát, tìm hiểu ý kiến đánh giá của 345 HS THPT và THCS quận Tân Phú và quận Phú Nhuận TP. Hồ Chí Minh qua các câu hỏi mở về 13 HV mà chính họ thể hiện, theo 3 mức độ: thường xuyên, thỉnh thoảng và không bao giờ, kết quả như sau:

Bảng 1. Các HV bản thân HS đã thể hiện trong sinh hoạt hàng ngày (%)

Hành vi	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Bỏ rác vào thùng	78,7	18,8	2,5
Làm việc đúng giờ	76,9	19,9	3,2
Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng	78,7	20,4	2,8
Tiết kiệm điện, nước	76,5	20,8	2,7
Nhường đường cho người đi bộ	73,4	23,8	2,8
Bảo vệ tài sản công	73,0	25,5	1,5
Xếp hàng không chen lấn ở nơi công cộng	72,9	24,1	3,0
Nhường chỗ trên xe buýt cho người khuyết tật	71,3	25,7	3,0
Dùng xe đúng vạch kẻ ở các giao lộ	70,5	26,5	3,0
Bảo vệ cây xanh, cảnh quan môi trường	70,5	26,8	2,8
Biết xin lỗi khi thấy mình có lỗi	65,5	33,7	0,8
Giúp đỡ người cao tuổi	63,7	34,8	1,5
Tập thể dục buổi sáng	27,8	62,6	9,5

Bảng trên cho thấy bức tranh chung về việc thực hiện các nếp sống, HV VMĐT của HS phổ thông: - *Nhóm thứ nhất*, «thường xuyên được thực hiện» thuộc về các HV liên quan đến việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, bảo vệ môi trường đô thị (70,5% - 78,7%); *Nhóm thứ hai* cũng «được thường xuyên thực hiện» với tỉ lệ lựa chọn cao (70,5% - 76,9%), đó là những HV liên quan đến việc chấp hành luật pháp và các quy định chung của xã hội về giao thông, giờ giấc làm việc, tiết kiệm, bảo vệ tài sản công; - *Nhóm thứ ba*, mức độ «thường xuyên thực hiện» được ghi nhận ở

một tỉ lệ thấp hơn (63,7% - 73,4%), bao gồm những HV liên quan đến việc cư xử với người xung quanh.

Tuy nhiên, khi phỏng vấn, vẫn có những ý kiến cho rằng, bên cạnh những HV văn minh, tích cực chiếm ưu thế trong sinh hoạt của HS thành phố, vẫn còn những HV tiêu cực, không phù hợp với văn hóa, VMĐT, ở mức độ đáng lưu ý như: *chấp hành luật giao thông chưa tốt, lãng phí, sai giờ trả hẹn và xếp hàng nơi công cộng*. Các ý kiến này có vẻ mâu thuẫn với các câu trả lời ở bảng 1, nhưng chúng tôi cho rằng, đó là những ý kiến chân thực góp phần làm cho bức tranh VMĐT được nhìn nhận ở nhiều chiều.

2. Sự lựa chọn HV của HS trong một số tình huống ứng xử giả định

1) *Phản ứng khi đi đường gặp đèn đỏ*: 63,6% người được hỏi là lựa chọn HV theo xu hướng tích cực (dừng hẳn để tránh ùn tắc); 36,4% còn lại hoặc sẵn sàng chọn hướng hành động chỉ có lợi cho cá nhân mình, không vì lợi ích chung (nổi theo luồng xe người khác, không dừng vì sợ xe sau va vào) hoặc thụ động làm theo HV của người khác (người khác dừng thì mình mới dừng).

2) *Hành động khi kẹt xe*: 52,6% chọn hướng hành động tích cực (thích ứng chờ đợi, thụ giãn); 47,4% còn lại chọn hướng hành động không phù hợp với tiêu chí VMĐT trong giao thông (tìm mọi cách thoát khỏi đám đông, bóp còi inh ỏi);

3) *Hành động trên xe bus khi thấy phụ nữ mang thai, người già yếu khó khăn*: 77% người được hỏi tỏ ý tự giác nhanh chóng nhường chỗ ngồi; số còn lại hoặc làm lơ hoặc chỉ giúp đỡ khi có yêu cầu.

4) *Hành động khi thấy người chạy xe phía trước vứt rác xuống đường*: 48,9% chọn hướng hành động tích cực, phù hợp với tiêu chí VMĐT (nhất rác và chạy xe lên nhắc nhở); 51,1% chọn phương án hành động thụ động (im lặng, chờ đợi

* Trường Cán bộ TP Hồ Chí Minh

người khác lên tiếng hoặc chửi thảm trong bụng).

5) Hành động khi thấy người khác tìm cách bỏ hoa trong công viên: 62,8% chọn phương án hành động tích cực (ngăn cản hoặc giải thích rõ hành động sai trái); 37,1% thụ động, làm ngơ, không dám hoặc không quan tâm đến việc đấu tranh chống HV không phù hợp.

6) Hành động khi thấy người hút thuốc trong phòng máy lạnh: 69,5% chọn hướng hành động tích cực (nhắc nhở tại chỗ); 18,4% chọn phương án hành động tương đối tích cực (thể hiện sự khó chịu, phản đối); 12,1% còn lại hoặc tìm cách thích nghi chịu đựng (mở toang các cánh cửa) hoặc thờ ơ, chẳng quan tâm.

Với các lựa chọn ứng xử như trên, có thể nhận xét khái quát rằng: đa số HS đã có những lựa chọn HV cụ thể theo hướng tích cực, phù hợp với các chuẩn mực của nếp sống VMDT. Tuy nhiên, vẫn còn tỉ lệ đáng kể những trường hợp hành động chưa phù hợp, chỉ vì lợi ích của mình, hoặc làm ngơ, chấp nhận, không dám phản đối HV không phù hợp.

3. Những yếu tố tác động đến việc thực hiện HV VMDT của HS.

Đã có 20 yếu tố được 345 HS thành phố đánh giá là có tác động nhất định đối với việc thực hiện HV VMDT (theo 5 mức độ, từ rất không quan trọng đến rất quan trọng): - Có 11 yếu tố được cho là có ảnh hưởng từ quan trọng đến rất quan trọng đối với việc thực hiện nếp sống VMDT ở thành phố, với điểm trung bình dao động trong khoảng từ 4-4,5. Đáng lưu ý là 5 yếu tố khách quan, quan trọng hàng đầu đều liên quan đến công tác giáo dục của gia đình, nhà trường, giới truyền thông và các đoàn thể chính trị - xã hội về chủ trương xây dựng thực hiện HV VMDT; - Ở một khía cạnh khác, sự nhắc nhở thường xuyên của mọi giới, tác động của dư luận xã hội và lối sống của những nhân vật nổi tiếng trong đời sống đô thị vẫn có những tác động rất đáng kể đến việc hình thành, thực hiện HV VMDT của HS TP. Hồ Chí Minh.

4. Nguyên nhân của thực trạng

Qua khảo sát, tình trạng thực hiện nếp sống VMDT ở TP. Hồ Chí Minh hiện nay vẫn chưa được cải thiện mạnh mẽ, chủ yếu xuất phát từ các nguyên nhân sau: - Những quy định về việc thực hiện HV VMDT chưa đầy đủ và chưa cụ thể. Việc phổ biến các quy định này trong nhà trường và trong khu dân cư chưa được tiến hành

một cách thường xuyên; - Cơ quan quản lý thực thi chưa thực sự sát sao, kiên quyết; chưa có biện pháp xử lý, xử phạt nghiêm minh, thỏa đáng, đủ sức ngăn ngừa các hình thức, HV vi phạm; đôi lúc việc xử lý vẫn còn mang tính hình thức, đối phó; - Ý thức tự giác chấp hành luật pháp của HS, thanh niên thành phố chưa cao, đặc biệt là trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự an ninh xã hội. Nhiều HS còn bàng quan, thờ ơ, thụ động trong việc phản đối bằng quan HV thiếu văn hóa; - Các biện pháp, phương thức truyền thông vận động, giáo dục chưa được sâu rộng, thiếu tính sinh động, không phong phú, đa dạng về cả nội dung lẫn hình thức, do vậy, hiệu quả mang lại không cao; - Các tổ chức đoàn thể xã hội, các cơ quan trường học, đơn vị truyền thông đại chúng chưa thật sự nhập cuộc. Sự phối hợp giữa giáo dục gia đình, giáo dục trong nhà trường và giáo dục ngoài xã hội, trong vận động thực hiện HV VMDT chưa chặt chẽ, hiệu quả giáo dục chưa cao như mong đợi, chưa tạo được dư luận xã hội đồng bộ, mạnh mẽ.

5. Một số biện pháp giáo dục thực hiện nếp sống, HV VMDT cho HS

- Tăng cường công tác truyền thông, cung cấp thông tin về ích lợi, ý nghĩa của việc thực hiện nếp sống, HV VMDT đối với sự phát triển xã hội, đối với việc định hình giá trị của mỗi người, qua đó kích thích lòng tự hào, tự tôn dân tộc để HS hình thành ý thức chấp hành thực hiện HV VMDT; - rà soát các văn bản, quy định về việc thực hiện HV văn hóa nơi công cộng, thực hiện nếp sống văn minh tại các cộng đồng, có những biện pháp động viên, xử phạt cần thiết và phù hợp; - Đẩy mạnh hợp tác, phối hợp giữa các lực lượng giáo dục với những phương pháp đa dạng, sinh động, phù hợp với đặc điểm tâm lý học trò, tâm lý đối tượng để phát huy sức mạnh của xã hội...; - Tăng cường trang bị cơ sở vật chất tại các địa điểm sinh hoạt công cộng, tại trường học; cải tiến tình trạng các công trình công cộng... để HS dễ dàng thực hiện các HV tốt đẹp theo yêu cầu, hình thành thói quen tích cực và trở thành nếp sống văn minh. □

Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Công Bá. Cơ sở văn hóa Việt Nam. NXB Thuận Hóa, Huế 2008.

(Xem tiếp trang 50)

bé không cha mẹ, không họ hàng thân thích, đi theo một đoàn xiếc chó, khi, rồi dẫn đầu đoàn ấy đi lưu lạc khắp nước Pháp. Em bé Rê-mi ấy đã lớn lên trong gian khổ. Em đã chung đụng với mọi hạng người, sống khắp mọi nơi. Đã có khi em lang thang suốt mấy ngày không có chút gì trong bụng. Đã có khi em bị chôn trong mồ hôi mấy ngày đêm; bị mắc oan, bị giải ra trước và bị . Và cũng có khi em được nuôi nấng đàng hoàng, no ấm. Nhưng dù ở đâu, trong cảnh ngộ nào, em vẫn noi theo nếp rèn dạy của cụ già nhân từ Vi-ta-li giữ phẩm chất làm người, luôn luôn khao khát và quyết tâm học tập. *Cuốn tiểu thuyết "Không gia đình" được giải thưởng Viện Hàn lâm Văn học Pháp, nhiều người yêu thích, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, các em cùng học bài để tìm hiểu xem tại sao câu chuyện lại có sức lôi cuốn người đọc như vậy.*

•••

Sử dụng BĐTD để giới thiệu bài là cách làm gây được ấn tượng cho HS về một bài học mới, kích thích được sự tập trung, chú ý ở các em. Việc kết hợp BĐTD và ngôn từ, hoạt động dẫn nhập bài mới sẽ trở nên sinh động và dễ dàng hơn rất nhiều đối với GV và lời cuốn HS. GV sẽ tiết kiệm được thời gian, tăng sự linh hoạt trong bài giảng, giúp HS nắm được kiến thức thông qua một «sơ đồ» thể hiện các liên kết chặt chẽ

của tri thức. ó cũng chính là một trong những cách làm thiết thực triển khai nội dung dạy học có hiệu quả - một trong năm nội dung của phong trào thi đua «Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực». □

Tài liệu tham khảo

1. Tony Buzan. **Sơ đồ tư duy**. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009.
2. Trần Đình Châu. "Sử dụng bản đồ tư duy - một biện pháp hiệu quả hỗ trợ học sinh học tập môn toán" *Tạp chí Giáo dục*, kì 2 - tháng 9/2009.
3. Trần Đình Châu - Đặng Thị Thu Thủy. **Dạy tốt - học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
4. Nguyễn Thị Hạnh. **Đạy học đọc hiểu ở tiểu học**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.
5. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên). **Tiếng Việt 5** (tập 1; 2). NXB Giáo dục, H. 2007.

SUMMARY

Using Mind map to lead in a new lesson will be a good way which impresses pupils and stimulates their curiosity and attentions to the lessons. Thanks to the combination between Mind map and Language use, the lead in of a new lesson will be more vivid and easier for teachers themselves and it will be more attractive to their pupils. Thanks to this way, teachers can save time and enhance the flexibility in teaching, teachers can also help pupils understand the lessons with a "map" illustrating the concise links of knowledge.

Giáo dục nếp sống...

(Tiếp theo trang 37)

2. Mai Huy Bích. **Lối sống gia đình ngày nay**. NXB Phụ nữ, H. 1987.
3. Nguyễn Như Chiến. **Nghiên cứu hành vi chấp hành luật giao thông đường bộ của học sinh trung học cơ sở khi tham gia giao thông**. Luận án tiến sĩ tâm lý học, 2009.
4. Vũ Dũng (chủ biên). **Từ điển tâm lý học**. NXB Khoa học xã hội, H. 2009.
5. Đỗ Long (chủ biên). **Yếu tố sinh học và yếu tố xã hội trong sự phát triển tâm lý người**. NXB Khoa học xã hội, H. 1999.
6. Nguyễn Thế Nghĩa - Tôn Nữ Quỳnh Trân. **Phát triển đô thị bền vững**. NXB Khoa học xã hội, H. 2002.

SUMMARY

In Ho Chi Minh City, the high school students believed that they have performed the civilized behavior of urban living in high level, specially in 11 behaviors. They have also expressed their decisions in choosing the way in some situations in which they have to do. So many factors what made influence to students is showing civilized behaviors in which the roles of family, school are very important. In research, there are some reasons about this, some of them are: Informations were not enough to making chang in students conscious in making self emage....

In increasing the civilized behavior, the educational force would be combined to get results.

Động cơ học ngoại ngữ...

(Tiếp theo trang 45)

- and Teaching, 1, 153-174; 2007.
12. Guilloteaux, MJ, & Dornyei, Z. **Motivating Language Learners: A classroom-oriented investigation of the effects of motivational strategies on student motivation**. TESOL Quartly, 42, 55-77; 2008.

SUMMARY

This paper presents a very important issue in English language teaching: motivation. Different definitions of motivation, types of motivation and the significance of motivation in English learning are reviewed. Some ways of motivating English foreign language learners are suggested in the paper as well.